

Họ, tên thí sinh: .....

Mã đề thi 210

Số báo danh: .....

- Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố: H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; P = 31; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Ca = 40; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Br = 80; Ag = 108; Ba = 137.  
• Giả thiết các khí sinh ra không tan trong nước.

Câu 41: Dung dịch chất nào sau đây làm quỳ tím chuyển sang màu đỏ?

- A. Ba(OH)<sub>2</sub>. B. HCl. C. NaOH. D. NaCl.

Câu 42: Khí tạo thành khi cho Mg tác dụng với dung dịch H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> loãng là

- A. H<sub>2</sub>. B. O<sub>2</sub>. C. SO<sub>2</sub>. D. H<sub>2</sub>S.

Câu 43: Chất nào sau đây làm mềm được nước có tính cứng vĩnh cửu?

- A. Na<sub>3</sub>PO<sub>4</sub>. B. HNO<sub>3</sub>. C. CaCl<sub>2</sub>. D. HCl.

Câu 44: Trong cùng điều kiện, ion kim loại nào sau đây có tính oxi hóa mạnh nhất?

- A. Cu<sup>2+</sup>. B. Al<sup>3+</sup>. C. Mg<sup>2+</sup>. D. K<sup>+</sup>.

Câu 45: Poli(vinyl clorua) được điều chế trực tiếp từ monome nào sau đây?

- A. CH<sub>2</sub> = CH - CN. B. CH<sub>2</sub> = CH - Cl. C. CH<sub>2</sub> = CH<sub>2</sub>. D. CH<sub>2</sub> = CH - CH = CH<sub>2</sub>.

Câu 46: Axit axetic có công thức là

- A. CH<sub>3</sub>CH<sub>2</sub>OH. B. CH<sub>3</sub>CHO. C. CH<sub>3</sub>COOH. D. HCOOH.

Câu 47: Mặt trái của "hiệu ứng nhà kính" là gây ra sự khác thường về khí hậu, gây hạn hán, lũ lụt, ảnh hưởng đến môi trường sinh thái và cuộc sống con người. Khí chủ yếu gây ra hiện tượng này là

- A. CO<sub>2</sub>. B. H<sub>2</sub>S. C. CO. D. NH<sub>3</sub>.

Câu 48: Thủy phân hoàn toàn triglixerit X trong dung dịch NaOH thu được C<sub>17</sub>H<sub>35</sub>COONa và C<sub>3</sub>H<sub>5</sub>(OH)<sub>3</sub>. Công thức của X là

- A. (C<sub>17</sub>H<sub>31</sub>COO)<sub>3</sub>C<sub>3</sub>H<sub>5</sub>. B. (C<sub>15</sub>H<sub>31</sub>COO)<sub>3</sub>C<sub>3</sub>H<sub>5</sub>. C. (C<sub>17</sub>H<sub>35</sub>COO)<sub>3</sub>C<sub>3</sub>H<sub>5</sub>. D. (C<sub>17</sub>H<sub>33</sub>COO)<sub>3</sub>C<sub>3</sub>H<sub>5</sub>.

Câu 49: Chất nào sau đây thuộc loại tripeptit?

- A. Gly-Ala. B. Saccarozơ. C. Gly-Ala-Gly. D. Glucozơ.

Câu 50: Nhỏ dung dịch NH<sub>3</sub> đến dư vào dung dịch chất nào sau đây thu được kết tủa keo, màu trắng?

- A. NaCl. B. BaCl<sub>2</sub>. C. AlCl<sub>3</sub>. D. FeCl<sub>3</sub>.

Câu 51: Hợp chất Cr(OH)<sub>3</sub> có tên là

- A. crom(II) hidroxit. B. crom(III) hidroxit. C. crom(III) oxit. D. crom(II) oxit.

Câu 52: NaHCO<sub>3</sub> được dùng làm bột nở, thuốc giảm đau dạ dày do thừa axit. Tên của NaHCO<sub>3</sub> là

- A. natri clorua. B. natri sunfat. C. natri cacbonat. D. natri hidrocarbonat.

Câu 53: Al(OH)<sub>3</sub> tác dụng với dung dịch chất nào sau đây sinh ra AlCl<sub>3</sub>?

- A. HCl. B. Na<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>. C. H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>. D. NaOH.

Câu 54: Ở điều kiện thường, kim loại nào sau đây tồn tại ở trạng thái lỏng?

- A. Hg. B. Ag. C. Al. D. Cu.

Câu 55: Hợp chất C<sub>2</sub>H<sub>5</sub>NHC<sub>2</sub>H<sub>5</sub> có tên là

- A. etylmetylamin. B. propylamin. C. dimetylamin. D. dietylarin.

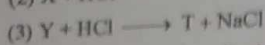
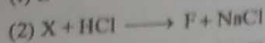
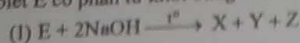
Câu 56: Kim loại Fe được điều chế trực tiếp từ Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub> bằng phương pháp

- A. điện phân nóng chảy. B. điện phân dung dịch. C. nhiệt luyện. D. thủy luyện.



- Câu 57: Đốt cháy hoàn toàn bột sắt trong khí clo dư, thu được hợp chất trong đó sắt có số oxi hóa là  
 A. -2. B. +3. C. +2. D. -3.
- Câu 58: Thạch cao nung được dùng để nặn tượng, đúc khuôn và bó bột khi gãy xương. Công thức của thạch cao nung là  
 A.  $\text{CaSO}_4 \cdot \text{H}_2\text{O}$ . B.  $\text{Ca}(\text{OH})_2$ . C.  $\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$ . D.  $\text{CaCO}_3$ .
- Câu 59: Công thức của metyl axetat là  
 A.  $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$ . B.  $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$ . C.  $\text{HCOOCH}_3$ . D.  $\text{HCOOC}_2\text{H}_5$ .
- Câu 60: Số nguyên tử cacbon trong phân tử saccarozơ là  
 A. 10. B. 6. C. 12. D. 5.  $\text{C}_{12}\text{H}_{22}\text{O}_{11}$
- Câu 61: Phát biểu nào sau đây sai?  
 A. Glucozơ có khả năng tham gia phản ứng tráng bạc. ✓  
 B. Xenlulozơ và tinh bột đều thuộc loại polisaccarit. ✓  
 C. Xenlulozơ có cấu tạo mạch không phân nhánh. ✓  
 D. Thủy phân saccarozơ chỉ thu được glucozơ.
- Câu 62: Oxi hóa hoàn toàn 11,5 gam hỗn hợp X (gồm Mg, Al và Zn) bằng  $\text{O}_2$ , thu được 17,1 gam hỗn hợp Y gồm các oxit. Để hòa tan hết Y cần vừa đủ V ml dung dịch HCl 2M. Giá trị của V là  
 A. 350. B. 300. C. 150. D. 175.  $n_{\text{O}_2} = 0,175$
- Câu 63: Khối lượng metylamin cần để tác dụng vừa đủ với 0,01 mol HCl là  
 A. 0,62 gam. B. 0,31 gam. C. 0,45 gam. D. 0,90 gam.
- Câu 64: Đốt cháy hoàn toàn 13,2 gam este X, thu được 0,6 mol  $\text{CO}_2$  và 0,6 mol  $\text{H}_2\text{O}$ . Công thức phân tử của X là  
 A.  $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2$ . B.  $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$ . C.  $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$ . D.  $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}_2$ .
- Câu 65: Thực hiện phản ứng este hóa giữa  $\text{HOOC}-\text{COOH}$  với hỗn hợp  $\text{CH}_3\text{OH}$  và  $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$  thu được tối đa bao nhiêu este hai chức?  
 A. 3. B. 4. C. 1. D. 2.
- Câu 66: Cho  $\text{Fe}_2\text{O}_3$  vào dung dịch  $\text{H}_2\text{SO}_4$  (loãng, dư) thu được dung dịch X. Thêm tiếp NaOH dư vào X, thu được kết tủa Y. Công thức của Y là  
 A.  $\text{FeSO}_4$ . B.  $\text{Fe}(\text{OH})_3$ . C.  $\text{Fe}(\text{OH})_2$ . D.  $\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$ .
- Câu 67: Cho m gam bột Fe tác dụng hoàn toàn với dung dịch  $\text{CuSO}_4$  dư, thu được 9,6 gam kim loại Cu. Giá trị của m là  
 A. 5,6. B. 8,4. C. 11,2. D. 9,8.
- Câu 68: Phát biểu nào sau đây đúng?  
 A. Tất cả các kim loại kiềm thổ đều tan tốt trong nước ở nhiệt độ thường.  
 B. Trong công nghiệp, Al được điều chế bằng cách nhiệt phân  $\text{Al}_2\text{O}_3$ .  
 C. Nước vôi trong là dung dịch  $\text{Ca}(\text{OH})_2$ .  
 D. Điện phân dung dịch NaCl thu được kim loại Na ở anot.
- Câu 69: Từ m kg mùn cưa chứa 50% xenlulozơ (còn lại là tạp chất trơ) sản xuất được 80 kg glucozơ với hiệu suất toàn bộ quá trình là 80%. Giá trị của m là  
 A. 720. B. 360. C. 162. D. 180.
- Câu 70: Cho các polime sau: polibutadien, poli(metyl metacrylat), poliacrilonitrin, nilon-6,6. Số polime được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng là  
 A. 2. B. 3. C. 4. D. 1.
- Câu 71: Cho các phát biểu sau:  
 (a) Nhôm là kim loại nhẹ, dẫn điện tốt. ✓  
 (b) Hỗn hợp tecmit được dùng để hàn đường ray. ✓  
 (c) Khi đốt, bột nhôm cháy trong không khí với ngọn lửa sáng chói. ✓  
 (d) Ở nhiệt độ cao, nhôm khử được nhiều ion kim loại trong oxit. ✓  
 (đ) Nhôm bị thụ động trong  $\text{H}_2\text{SO}_4$  đặc, nguội. ✓
- Số phát biểu đúng là  
 A. 4. B. 2. C. 3. D. 5.

**Câu 72:** Phân tích nguyên tố hợp chất hữu cơ mạch hở E cho kết quả phần trăm khối lượng cacbon, hidro, oxi lần lượt là 40,68%; 5,08%; 54,24%. Phương pháp phân tích phổ khối lượng (phổ MS) cho biết E có phân tử khối bằng 118. Từ E thực hiện sơ đồ các phản ứng sau theo đúng tỉ lệ mol:



Biết: Z là ancol đơn chức; F và T là các hợp chất hữu cơ;  $M_F < M_T$ .

Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Trong Y, số nguyên tử hidro bằng số nguyên tử oxi.
- B. Nhiệt độ sôi của Z thấp hơn nhiệt độ sôi của etanol.
- C. Chất F không có khả năng tham gia phản ứng tráng bạc.
- D. Chất T thuộc loại hợp chất hữu cơ tạp chức.

**Câu 73:** Hỗn hợp E gồm hai hidrocarbon mạch hở X, Y với  $M_X < M_Y < 80$ . Cho 0,09 mol E, có khối lượng 4,2 gam, vào lượng dư dung dịch  $AgNO_3$  trong  $NH_3$  thu được 20,25 gam hỗn hợp kết tủa. Biết các phản ứng đều xảy ra hoàn toàn. Phần trăm khối lượng của X trong E là

- A. 57,14%.
- B. 71,43%.
- C. 28,57%.
- D. 35,71%.

**Câu 74:** Poli(etylen terephthalat) (viết tắt là PET) là một polime được điều chế từ axit terephthalic và etylen glicol. PET được sử dụng để sản xuất tơ, chai đựng nước uống, hộp đựng thực phẩm. Để thuận lợi cho việc nhận biết, sử dụng và tái chế thì các đồ nhựa làm từ vật liệu chứa PET thường được in kí hiệu như hình bên.



Cho các phát biểu sau:

- (a) PET thuộc loại poliamit. ✓
- (b) Tơ được chế tạo từ PET thuộc loại tơ nhân tạo.
- (c) Trong một mắt xích PET, phần trăm khối lượng cacbon là 57,14%. ✓
- (d) Phản ứng tổng hợp PET từ axit terephthalic và etylen glicol thuộc loại phản ứng trùng ngưng. ✓
- (đ) Từ etilen điều chế trực tiếp được etylen glicol.

Số phát biểu đúng là

- A. 4.
- B. 3.
- C. 5.
- D. 2.

**Câu 75:** Cho các phát biểu sau:

- (a) Axit glutamic có tính chất lưỡng tính. ✓
- (b) Amino axit là loại hợp chất hữu cơ tạp chức. ✓
- (c) Trong phân tử protein luôn chứa liên kết peptit. ✓
- (d) Thực hiện phản ứng trùng ngưng các amino axit đều thu được peptit.
- (đ) Thành phần nguyên tố của bột ngọt (mì chính) chỉ gồm C, H, Na và O.

Số phát biểu sai là

- A. 4.
- B. 1.
- C. 3.
- D. 2.

**Câu 76:** Hỗn hợp E gồm ba este mạch hở X, Y, Z (chỉ chứa chức este) đều tạo bởi axit cacboxylic với ancol no, trong đó: X đơn chức, Y hai chức, Z ba chức. Đốt cháy m gam E trong  $O_2$  dư, thu được 0,22 mol  $CO_2$  và 0,176 mol  $H_2O$ . Mặt khác, cho m gam E phản ứng vừa đủ với dung dịch NaOH, thu được hỗn hợp F gồm các ancol và 6,112 gam hỗn hợp muối khan T. Đốt cháy toàn bộ T thu được  $Na_2CO_3$ , 0,106 mol  $CO_2$  và 0,102 mol  $H_2O$ . Biết các phản ứng đều xảy ra hoàn toàn, các muối trong T đều không có khả năng tham gia phản ứng tráng bạc. Phần trăm khối lượng của X trong E là

- A. 80,38%.
- B. 10,91%.
- C. 8,70%.
- D. 10,77%.

**Câu 77:** Cho 8,8 gam hỗn hợp Fe và kim loại M tác dụng với dung dịch  $HNO_3$  dư, thu được dung dịch X (không chứa muối amoni) và 0,2 mol hỗn hợp B (gồm NO và  $NO_2$ ) có tỉ khối so với  $H_2$  bằng 19. Cho m gam X thu được m gam hỗn hợp muối Y. Nung Y đến khối lượng không đổi thu được chất rắn Z và hỗn hợp E gồm khí và hơi. Cho toàn bộ E vào 500 gam nước, không có khí thoát ra và dung dịch thu được hi chứa một chất tan, có nồng độ 4,662%. Giá trị của m gần nhất với giá trị nào sau đây?

- A. 30,9.
- B. 52,5.
- C. 46,1.
- D. 33,6.



Bước 1: Cho một đinh sắt đã cạo sạch gỉ vào ống nghiệm.

Bước 2: Thêm tiếp vào ống nghiệm 4 - 5 ml dung dịch  $H_2SO_4$  loãng.  $Fe + H_2SO_4 \rightarrow FeSO_4 + H_2$

Bước 3: Lấy đinh sắt ra rồi nhỏ dần từng giọt dung dịch  $K_2Cr_2O_7$  trong  $H_2SO_4$  loãng vào ống nghiệm và lắc đều.

Cho các phát biểu sau:

- (a) Trong bước 2, xuất hiện bọt khí không màu. ✓  
(b) Trong bước 2, kim loại sắt bị khử thành hợp chất sắt(III). ✓  
(c) Trong bước 3, hợp chất sắt(II) bị oxi hóa thành hợp chất sắt(III). ✓  
(d) Trong bước 3, hợp chất crom(VI) bị oxi hóa thành hợp chất crom(III).

Ở bước 2, nếu thay dung dịch  $H_2SO_4$  loãng bằng dung dịch HCl thì không xuất hiện bọt khí.

Số phát biểu đúng là

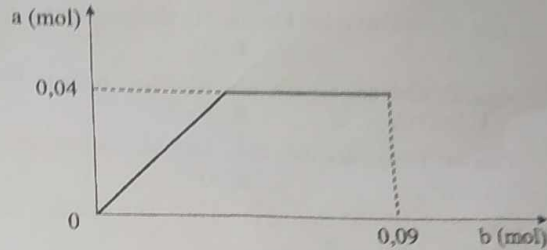
A. 1.

B. 4.

C. 2.

D. 3.

**Câu 79:** Cho m gam hỗn hợp X (gồm Na,  $Na_2O$ , Ba và BaO) vào  $H_2O$  dư, thu được dung dịch Y và 0,02 mol  $H_2$ . Sục từ từ đến hết 0,09 mol  $CO_2$  vào Y, thu được dung dịch Z và kết tủa  $BaCO_3$ . Sự phụ thuộc của số mol kết tủa  $BaCO_3$  (a mol) vào số mol  $CO_2$  (b mol) được biểu diễn theo đồ thị bên.



Cho từ từ đến hết Z vào 40 ml dung dịch

HCl 1M, thu được 0,025 mol  $CO_2$ . Biết các phản ứng đều xảy ra hoàn toàn. Giá trị của m là

A. 7,32.

B. 4,40.

C. 8,28.

D. 8,14.

**Câu 80:** Cho hơi nước đi qua than nung đỏ, thu được 0,8 mol hỗn hợp khí X (gồm CO,  $CO_2$  và  $H_2$ ). Cho toàn bộ X tác dụng hết với CuO (dư, nung nóng) thu được hỗn hợp chất rắn Y. Hòa tan hoàn toàn Y bằng dung dịch  $H_2SO_4$  (đặc, nóng, dư) thu được 0,6 mol  $SO_2$  (sản phẩm khử duy nhất). Phần trăm thể tích của khí CO trong X là

A. 12,50%.

B. 25,00%.

C. 18,75%.

D. 62,50%.

HẾT

$$2n_{Cu} = 2n_{SO_2} \Rightarrow n_{Cu} = 0,6$$

n

